

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2020.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lại Thị Thu Hà.

2. Bà Thạch Thị Lan Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 51/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/02/2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn An Phước, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng

2. *Bị đơn:* Anh Trương Phú Nhật K, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 105/2 Nguyễn Thị N, phường 2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Vợ chồng ông Vũ Văn H, sinh năm 1972

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn An Phước, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng

Ông Vũ Văn H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị N tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 25/02/2020.

(Tại phiên tòa: Chị T, bà N có mặt; Anh K có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị Vũ Thị T trình bày:

Năm 2017, chị T và anh Trương Phú Nhật K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Q. Chung sống vợ chồng đến đầu năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về tính cách, lối sống không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong công việc làm ăn. Từ đó vợ

chồng tạo ra khoảng cách, không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị và anh K đã nhiều lần nói chuyện và gia đình chị cũng đã hàn gắn tình cảm cho vợ chồng nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị xác định có một con chung là Trương An H, sinh ngày 05/4/2018. Hiện nay con đang ở cùng với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định không có và không yêu cầu gì.

Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng có nợ bố mẹ chị là ông Vũ Văn H, bà Nguyễn Thị N, trú tại: thôn An Phước, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng số tiền là 100.000.000đ. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi nợ chung cho vợ chồng.

Tại bản tự khai ngày 24/02/2020 và đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt ngày 27/3/2020, anh Trương Phú Nhật K trình bày:

Anh và chị Vũ Thị T kết hôn với nhau như chị T trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hòa hợp. Gia đình hai bên đã nhiều lần động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Vợ chồng anh sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Nay, chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày là đúng. Hiện nay con anh còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nên anh đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định không có và không yêu cầu gì.

Về nợ chung: Anh xác định vợ chồng có nợ bố mẹ chị T là ông Vũ Văn H, bà Nguyễn Thị N số tiền là 100.000.000đ. Khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận mỗi người sẽ có trách nhiệm trả 50.000.000đ cho ông H, bà N. Do bận công việc nên anh xin hòa giải, xét xử vắng mặt. Ngoài ra anh K không trình bày gì thêm.

Tại đơn yêu cầu ghi ngày 24/02/2020, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Vũ Văn H, bà Nguyễn Thị N trình bày: Sau khi vợ chồng anh K, chị T kết hôn với nhau thì vợ chồng ông bà có cho anh K, chị T vay số tiền là 100.000.000đ, không tính lãi suất. Tuy nhiên, trong thời gian vợ chồng anh K, chị T chung sống có xảy ra mâu thuẫn và chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh K phải trả cho ông bà số tiền là 50.000.000đ, còn lại số tiền 50.000.000đ thì ông bà cho chị T. Ngoài ra ông H, bà N không có yêu cầu nào khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng do anh K vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Bà N xin rút lại đơn yêu cầu, bà không yêu cầu anh K phải trả số tiền nợ là 50.000.000đ, chị T đồng ý với việc rút yêu cầu của bà N và không yêu cầu chia nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, sự chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị T về việc xin ly hôn với anh Trương Phú Nhật K. Giao con chung là Trương An H, sinh ngày 05/4/2018 cho chị Vũ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, do các đương sự xác định không có nên không đặt ra để giải quyết; Về nợ chung: Đề nghị đình chỉ yêu cầu độc lập của vợ chồng ông H, bà N về việc yêu cầu anh Trương Phú Nhật K trả cho ông bà số tiền là 50.000.000đ. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho vợ chồng ông H, bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Trương Phú Nhật K có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trương Phú Nhật K theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bị đơn anh Trương Phú Nhật K đang cư trú tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên anh K thống nhất với chị Vũ Thị T là lựa chọn Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng (Tòa án nơi nguyên đơn cư trú) để giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị T và anh Trương Phú Nhật K xây dựng gia đình với nhau năm 2017, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Tại phiên tòa, chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, cả hai không có biện pháp cải thiện tình cảm nên chị T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Anh K vắng mặt nhưng tại Bản tự khai anh K cũng đồng ý ly hôn với chị T. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị Vũ Thị T và anh Trương Phú Nhật K được ly hôn là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Chị Vũ Thị T và anh Trương Phú Nhật K có 01 (Một) con chung là Trương An H, sinh ngày 05/4/2018. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh K cũng đồng ý giao con cho

chị T nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay, con chung vẫn do chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Trẻ khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hơn nữa, Trẻ dưới 36 tháng tuổi cần có sự chăm sóc của mẹ nên căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình cần tiếp tục giao Trẻ cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu nên không xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Chị T và anh K xác định không có và không yêu cầu gì nên không đặt ra để xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị T và anh K cùng xác định vợ chồng có nợ vợ chồng ông Vũ Văn H, bà Nguyễn Thị N (Là bố mẹ đẻ của chị T) số tiền là 100.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, ông H, bà N đã có đơn yêu cầu anh K trả số nợ là 50.000.000đ, còn lại 50.000.000đ ông, bà cho con gái là chị Vũ Thị T, Tòa án đã thụ lý yêu cầu của ông H, bà N để giải quyết. Tuy nhiên tại phiên tòa bà N, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông H có đơn xin rút yêu cầu độc lập đối với yêu cầu buộc anh K trả số tiền 50.000.000đ, đồng thời chị T cũng không yêu cầu giải quyết về khoản nợ trên, việc rút đơn của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của ông H, bà N là phù hợp.

[7] *Về án phí*:

Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Do đình chỉ yêu cầu độc lập của ông H, bà N với lý do ông H, bà N rút yêu cầu nên cần hoàn trả cho ông H, bà N số tiền tạm ứng án phí ông H, bà N đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị T, xử cho chị Vũ Thị T và anh Trương Phú Nhật K được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao con chung là Trương An H, sinh ngày 05/4/2018 cho chị Vũ Thị T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về nợ chung:

Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của vợ chồng ông Vũ Văn H, bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu anh Trương Phú Nhật K trả cho vợ chồng ông, bà số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

4. Về án phí:

Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Vũ Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007238 ngày 24/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Chị Vũ Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho vợ chồng ông Vũ Văn H, bà Nguyễn Thị N số tiền án phí là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) ông Vũ Văn H, bà Nguyễn Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007261 ngày 03/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị T, ông Vũ Văn H, bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 11/5/2020). Anh Trương Phú Nhật K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Ban tư pháp xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Q;
- Lưu hồ sơ – Tòa án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Trung Kiên